TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 145/2025/HS-ST
Ngày: 15/12/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Rành;
2. Bà Trần Thị Thanh Dung.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tuynh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 196/2025/TLST-HS ngày 18/11/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2025/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2025 đối với các bị cáo họ và tên:

1. Hoàng Văn H, sinh năm 1991 tại Thành phố Hải Phòng; Nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố Đ, phường H, Thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Căn hộ M, tầng 26, Block M, KDCTMHH Khải Vy Q Sài Gòn R, khu phố B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Hoàng Văn L, (đã chết) và bà Ngô Thị T, (đã chết); anh, chị, em: 03 người; vợ là Nguyễn Thị Phương M, sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/8/2025 đến ngày 19/11/2025 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn T1, sinh năm 1995 tại Thành phố Hải Phòng; Nơi đăng ký thường trú: Thôn L, xã K, Thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Căn hộ B Block C, chung cư Q Sài Gòn R, khu phố B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình đọ văn hóa (học vấn): 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Phạm Văn N, (đã chết) và bà Hoàng Thị T2, sinh năm 1958; anh, chị, em: 01 người; vợ là Phạm Thị Thu T3, sinh năm 1996; con là Phạm Thành H1 sinh năm 2023; tiền án: 01 tiền án về tội "cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", bản án số 83/2024/HS-ST ngày 25/04/2024; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/8/2025 đến ngày 19/11/2025 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng:

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

Ông Hà Đức A, sinh năm 1988; địa chỉ: Căn hộ B chung cư Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Ông Phạm Minh N1, sinh năm 1991; địa chỉ: 1 H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 16/7/2025, các bị cáo Hoàng Văn H, Phạm Văn T1 cùng nhau đánh cầu lông trên đường G, phường P, T1 phô Hô Chí M1. Sau đó, về nhậu tại quán B trên đường P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến 22 giờ 10 phút cùng ngày, bị cáo Hoàng Văn H điều khiên xe ô tô hiệu Huyndai Accent màu trắng, biển số 95A-127.22 chở bị cáo Phạm Văn T1 ngồi ghế phụ, L1 (không rõ nhân thân lai lịch) ngồi hàng ghế sau. Khi bị cáo H điều khiển xe đến giao lộ H giao đường N, bị Cảnh sát giao thông N do ông Hà Đức A và ông Phạm Minh N1 kiểm tra, ra tín hiệu dừng xe kiểm tra nồng cồn. bị cáo H cho xe tấp vào lề đường trước nhà số B N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, do bị cáo H không có Giấy phép lái xe và trong người có nồng độ cồn sợ bị phạt nhiều tiền, giữ xe. Bị cáo H nói với bị cáo T1 qua cầm lái thay bị cáo H, bị cáo T1 di chuyển từ ghế phụ sang ghế tài (không xuống xe) điều khiển xe tiến thêm khoảng 03 mét, bị cáo T1 dừng lại xuống xe. L1 ngồi sau cũng xuống xe. Cảnh sát giao thông yêu cầu H thổi nồng độ cồn. Bị cáo H không đồng ý, cho rằng mình không lái xe nên không thổi. Lúc này, bị cáo T1 đi lại giải thích, đồng thời nhận mình là người là người lái xe chứ không phải H, đề nghị cảnh sát giao thông cho thổi nồng độ cồn. Việc bị cáo H, T1 tránh né không chấp hành yêu cầu của Cảnh sát giao thông, có lời lẽ lớn tiếng qua lại. Dẫn đến người dân hiếu kỳ tụ tập đông người, quay clip đăng tải lên mạng xã hội gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại nơi xảy ra sự việc. Đến 23 giờ 40 phút cùng ngày Công an phường T đến hiện trường phối hợp cùng lực lượng Cảnh sát giao thông khống chế đưa bị cáo H, T1 về trụ sở Công an phường làm việc. Kết quả đo nồng độ cồn bị cáo Phạm Văn T1 0,614bmg/L, bị cáo Hoàng Văn H 138.04mg/dL.

Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có văn bản xác định vụ việc "Gây rối trật tự công cộng" xảy ra ngày 16/7/2025, tại địa chỉ số B đường N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, các đối tượng Hoàng Văn H, Phạm Văn T1 sử dụng rượu bia, không chấp hành hiệu lệnh của Cảnh sát giao thông, đồng thời còn la lối, lớn tiếng, sự việc làm cho nhiều người dân đi đường hiếu kỳ dừng lại quay phim, chụp ảnh ... đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn phường.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra bị cáo Hoàng Văn H, Phạm Văn T1 khai nhận hành vi.

* Vật chứng thu giữ: 01 (một) đĩa CD ghi lời khai, ghi hình có âm thanh của Hoàng Văn H và Phạm Văn T1.

Bản cáo trạng số 53/CTr-VKS-KV6 ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân Khu vực 6 đã truy tố các bị cáo Phạm Văn T1 và Hoàng Văn H về tội "Gây rối trật tự công cộng" quy định tại Khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, không tranh luận gì, bị cáo biết lỗi, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Phạm Văn T1 và Hoàng Văn H về tội "Gây rối trật tự công cộng" quy định tại Khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng Khoản 1 Điều 318, Điểm s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51, Điều 38 Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị

cáo Phạm Văn T1 từ 6 (sáu) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

2 Áp dụng Khoản 1 Điều 318, Điểm i, s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H từ 4 (bốn) tháng tù đến 8 (tám) tháng tù và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an Thành phố H, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, các đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra họ đã trình bày đầy đủ. Đồng thời, tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo cũng đề nghị xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Xét thấy, sự vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa các bị cáo Hoàng Văn H và Phạm Văn T1 đều khai nhận hành vi như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản sự việc, lời khai của lực lượng Cảnh sát giao thông, văn bản xác định vụ việc "Gây rối trật tự công cộng" xảy ra ngày 16/7/2025 của Ủy ban nhân dân phường T, kết quả đo nồng độ cồn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, nên có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 22 giờ 10 phút ngày 16/7/2025, tại khu vực trước số nhà S đường N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, khi lực lượng Cảnh sát giao thông thực hiện nhiệm vụ kiểm tra nồng độ cồn theo kế hoạch, các bị cáo Hoàng Văn H và Phạm Văn T1 đã không chấp hành yêu cầu kiểm tra, có hành vi né tránh trách nhiệm người điều khiển phương tiện, lớn tiếng qua lại, gây mất trật tự tại khu vực công cộng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình xảy ra sự việc, các bị cáo không có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác nhằm cản trở lực lượng Cảnh sát giao thông thực hiện nhiệm vụ, không xô đẩy, không tấn công, không gây thương tích, không làm hư hỏng phương tiện, công cụ làm việc của người thi hành công vụ. Do đó, không có căn cứ xem xét hành vi của các bị cáo theo hướng tội "Chống người thi hành công vụ".

Tuy nhiên, hành vi không chấp hành hiệu lệnh, to tiếng, cãi vã của các bị cáo đã diễn ra công khai, kéo dài, tại địa điểm là giao lộ đông người qua lại; hậu quả là nhiều người dân hiếu kỳ tụ tập, dừng xe, quay phim, chụp ảnh và đăng tải lên mạng xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Sự việc chỉ được chấm dứt khi lực lượng Công an phường T đến phối hợp giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của các bị cáo đã vượt quá phạm vi xử lý hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, làm gián đoạn hoạt động bình thường tại nơi công cộng, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến hình ảnh, uy tín của lực lượng thực thi pháp luật.

Các bị cáo đều là người đã sử dụng rượu bia trước khi xảy ra sự việc, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được nghĩa vụ chấp hành hiệu lệnh của người có thẩm quyền nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi vi phạm, do đó phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

Do đó, có đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo Hoàng Văn H và Phạm Văn T1 phạm tội "Gây rối trật tự công cộng", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Hành vi gây rối trật tự công cộng của các bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn cho xã hội, các bị cáo tỏ thái độ xem thường và đã phá vỡ trình trạng ổn định nơi công cộng. Cho nên hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự chung, vi phạm nếp sống văn minh, quy tắc của cuộc sống, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường ở những nơi công cộng và hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội gây rối trật tự công cộng, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 318 của Bộ luật hình sự. Hành vi xảy ra tại nơi công cộng, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải được xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Phạm Văn T1 có 01 tiền án chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm, quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đối với bị cáo Hoàng Văn H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quy định tại điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, mức đề xuất hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò thực hiện tội phạm, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Tuy nhiên khi cá thể hóa trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khác nhau để phù hợp với từng bị cáo.

[7] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Khoản 1 Điều 318, điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 6 (sáu) tháng.

Thời hạn tù tính từ ngày 05/8/2025, nhưng được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 05/8/2025 đến 19/11/2025.

2 Áp dụng Khoản 1 Điều 318, điểm s, i Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 3 (ba) tháng 15 (mười lăm) ngày tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 05/8/2025.

3. Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án 01 (một) đĩa CD ghi lời khai, ghi hình có âm thành của bị cáo Hoàng Văn H và Phạm Văn T1

Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/07/2025.

4. Căn cứ vào Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Mỗi bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
-TAND Tp.HCM;
- VKSND Khu vực 6;
- VKSND TP.HCM;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh – Phòng thi hành án dân sự Khu vực 6;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS (TK Thúy).

TAND KHU VỰC 6
GEZ151225.TL.QDSA
4102

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Xuân Duyên